

Số: 216 /TB-KHNN

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2026

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2026 đợt I

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Tuyển sinh và Đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Kế hoạch tuyển sinh trình độ Tiến sĩ năm 2026 của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;

Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ đợt I năm 2026 như sau:

1. Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2026: tổng số 20 chỉ tiêu cho các chuyên ngành.

TT	Chuyên ngành đào tạo	Mã số
1	Bảo vệ thực vật	9620112
2	Công nghệ sinh học	9420201
3	Di truyền và Chọn giống cây trồng	9620111
4	Khoa học cây trồng	9620110
5	Khoa học đất	9620103
6	Công nghệ sau thu hoạch	9540104
7	Kỹ thuật cơ khí	9520103

2. Thời gian đào tạo và phương thức tuyển sinh:

2.1 Thời gian đào tạo:

Thời gian đào tạo tiêu chuẩn của trình độ tiến sĩ từ 03 năm (36 tháng) đến 04 năm (48 tháng). Mỗi nghiên cứu sinh có kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nằm trong khung thời gian đào tạo được phê duyệt, thời gian đào tạo được tính từ khi có Quyết định công nhận nghiên cứu sinh. Nghiên cứu sinh được phép hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa không quá 01 năm (12 tháng), hoặc chậm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt 6 năm (72 tháng) tính từ ngày có quyết định công nhận.

2.2. Hình thức đào tạo: Chính quy.

2.3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

3. Học phí: 16.750.000đ/năm (Áp dụng tại thời điểm xét tuyển); Cơ sở đào tạo không thu phí quản lý đào tạo khác.

4. Điều kiện dự tuyển:

4.1. Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ.

4.2. Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển tại Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

4.3. Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học công nghệ.

4.4. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài.

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp.

- Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*Phụ lục I đính kèm*) hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố. Chứng chỉ còn thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

- Người dự tuyển có ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo đại học, thạc sĩ hoặc có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ hoặc chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (*Phụ lục I đính kèm*) thì phải có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong chuyên môn;

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và có khả năng giao tiếp tiếng Anh chuyên môn.

5. Hồ sơ dự tuyển: Nộp 02 bộ, gồm có những mục sau:

- Đơn đăng ký dự tuyển.

- Bản sao công chứng bằng Đại học và bảng điểm Đại học; bằng Thạc sĩ và bảng điểm Thạc sĩ (nếu văn bằng học ở nước ngoài thì phải có chứng nhận của Cục Quản lý chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Bản sao công chứng văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ còn thời hạn theo quy định.

- Lý lịch khoa học có xác nhận của cơ quan hoặc chính quyền địa phương không trong thời gian xem xét, thi hành kỷ luật từ cảnh cáo trở lên, bản sao căn cước công dân.

- Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học hoặc thâm niên công tác.

- Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của bệnh viện đa khoa.

- Bài luận dự định và đề cương nghiên cứu.

- Công văn giới thiệu cử đi dự tuyển của cơ quan công tác và bản sao quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động dài hạn (nếu có).

- Thư giới thiệu của 02 nhà khoa học có trình độ chuyên môn từ tiến sĩ trở lên hoặc của Thủ trưởng đơn vị công tác nhận xét đánh giá về phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển (nếu có).

- Cam kết thực hiện nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo.

6. Địa điểm và thời hạn nộp hồ sơ:

6.1. Địa điểm nộp hồ sơ:

6.1.1. Ban Thông tin và Đào tạo, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.

Địa chỉ: xã Thanh trì, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.36490491 và 0904177888; Email: huehuongdtsdh@gmail.com.

6.1.2. Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam.

Địa chỉ: Số 121 Nguyễn Bình Khiêm, phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.38228371 và 0903766802; Email: hai.truongvinh@yahoo.com.

6.1.3. Viện Lúa Đồng bằng sông Cửu Long.

Địa chỉ: xã Trường Thành, thành phố Cần Thơ.

Điện thoại: 0768061917; Email: hmluan87@gmail.com

6.1.4. Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch

Địa chỉ: 60 Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0977779294, Email: viaepdaotao@gmail.com

6.2. Thời hạn nộp hồ sơ: trước ngày **29/04/2026**

7. Địa điểm và thời gian xét tuyển:

7.1. Địa điểm tổ chức xét tuyển: tại Trụ sở chính và trụ sở 3 đơn vị chuyên môn ủy quyền của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam

7.1.1. Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, xã Thanh Trì, Hà Nội.

7.1.2. Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, số 121 Nguyễn Bình Khiêm, phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh.

7.1.3. Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long, Ấp Thới Thuận B, xã Trường Thành, thành phố Cần Thơ.

7.1.4. Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch, 60 Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.

7.2. Thời gian xét tuyển: Dự kiến trong thời gian **10/5/2026 – 25/5/2026** (Lịch xét tuyển của từng tiểu ban chuyên môn sẽ thông báo cụ thể trước 07 ngày).

8. Thời gian công bố kết quả trúng tuyển và làm thủ tục nhập học: Dự kiến trong thời gian **28/5/2026 - 30/5/2026**.

Mọi chi tiết liên hệ: Ban Thông tin và Đào tạo, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam;

Địa chỉ: Thanh Trì, Hà Nội;

Điện thoại: (024)36490491; 0904177888;

Email: daotao@vaas.vn; Website: <http://www.vaas.vn>.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (để b/c);
- Bộ NN&MT (để b/c);
- Các đơn vị có nhu cầu đào tạo;
- Website của VAAS và các đơn vị;
- Lưu VT, TTĐT (50).



Nguyễn Hồng Sơn

PHỤ LỤC 1: BẢNG THAM CHIẾU CÁC CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI

STT	Ngôn ngữ	Bảng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
		Aptis ESOL International Certificate	Bậc 4 (B2) trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

PHỤ LỤC 2: YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÀI LUẬN, ĐỀ CƯƠNG DỰ ĐỊNH NGHIÊN CỨU

Bài luận, Đề cương về dự định nghiên cứu cần phản ánh trí tuệ, những điểm mạnh và tích cực của người viết, trình bày bằng văn phong trong sáng, rõ ràng, qua đó cung cấp một hình ảnh rõ nét về thí sinh, với những thông tin mới mẻ (không lặp lại những thông tin có thể thấy trong hồ sơ như kết quả học tập, nghiên cứu...). Đề cương gồm những nội dung chính sau đây:

1. Thông tin chung bài luận:

- Lý do lựa chọn cơ sở đào tạo (nơi thí sinh đăng ký dự tuyển);
- Kinh nghiệm (về nghiên cứu, về thực tế, hoạt động xã hội và ngoại khóa khác); thâm niên công tác (nếu có) phản ánh sự khác biệt của thí sinh trong quá trình học tập trước đây và những kinh nghiệm đã có;
- Dự kiến việc làm và các nghiên cứu tiếp theo sau khi tốt nghiệp;
- Đề xuất người hướng dẫn, đơn vị chuyên môn (nếu có).

2. Đề cương nghiên cứu gồm các phần:

- Trang bìa: Thông tin về Cơ sở đào tạo; Tên đề tài dự kiến; Chuyên ngành, mã số; Tên NCS; Người hướng dẫn; Mục lục; Danh mục chữ viết tắt/Danh mục bảng/ Danh mục bảng hình;
- Mở đầu, lý do chọn đề tài, tính cấp thiết, mục tiêu, dự kiến tính mới của kết quả nghiên cứu, giá trị khoa học, thực tiễn của đề tài;
- Tổng quan tài liệu kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước đã công bố liên quan đến dự kiến đề tài luận án. Những vấn đề tồn tại cần giải quyết;
- Vật liệu, Nội dung, và Phương pháp nghiên cứu. Dự kiến đối tượng, phạm vi, địa điểm, thời gian thực hiện từng nội dung.
- Dự kiến kết quả nghiên cứu.
- Danh mục tài liệu tham khảo
- Kế hoạch học tập và nghiên cứu toàn khóa

Người đăng ký

(ký và ghi rõ họ tên)

	IV. Xây dựng bản thảo luận án		đến luận án, ...
Năm thứ 4	I. Thực hiện phần 3 của Luận án, Hoàn thiện các nội dung nghiên cứu. II. Hoàn thiện bản thảo luận án III. Bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án các cấp. (Ghi rõ dự kiến bảo vệ từng cấp theo thời gian)	Ghi rõ thời gian thực hiện cho từng nội dung theo Quy I, II, III, IV Tổng khối lượng thực hiện tương đương Số tín chỉ còn lại của chương trình 04 năm	- Kết quả thực nghiệm của từng nội dung nghiên cứu - Kết quả nghiên cứu của luận án, số bài báo công bố liên quan đến luận án, ... - Dự thảo luận án thông qua Hội đồng đánh giá các cấp.

**PHỤ LỤC 4: DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH/ ĐỀ TÀI
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CÁC CẤP, DỰ ÁN HỢP TÁC QUỐC TẾ CỦA
VIỆN KHOA HỌC NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

TT	Tên nhiệm vụ khoa học công nghệ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
I	ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CẤP BỘ		
11	Nghiên cứu chọn tạo giống đậu có năng suất cao, chất lượng tốt cho các tỉnh phía Bắc	Trung tâm Nghiên cứu Đậu tằm tơ Trung Ương	2022-2026
12	Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu và mã vạch ADN (DNA barcode) của nguồn gen lúa địa phương/ bản địa của Việt Nam	Trung tâm Tài nguyên thực vật	2023-2026
15	Nghiên cứu chọn tạo giống đậu xanh, đậu đen, đậu đỏ chịu hạn phù hợp cho các tỉnh miền Trung	Viện KHKT Nông nghiệp Bắc Trung Bộ	2022-2026
16	Đề tài: “Nghiên cứu chọn tạo giống vùng năng suất cao, chất lượng tốt cho vùng Bắc Trung Bộ”	Viện KHKT Nông nghiệp Bắc Trung Bộ	2023-2027
20	Nghiên cứu chọn tạo giống lúa chất lượng, ngăn ngừa cho các tỉnh phía Bắc	Viện Cây lương thực và cây thực phẩm	2022-2026
21	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ chỉnh sửa gen CRISPR/ Cas9 làm tăng số hàng hạt của giống ngô Việt Nam	Viện Di truyền Nông nghiệp	2023-2027
22	Ứng dụng công nghệ sinh học và năng lượng bức xạ trong chọn tạo giống lúa mới năng suất cao, chất lượng tốt phục vụ nội tiêu và xuất khẩu.	Viện Di truyền Nông nghiệp	2023-2027
23	họn tạo và phát triển các dòng/ giống lúa chất lượng tích hợp đa gen kháng bệnh bạc lá, rầy nâu và đạo ôn bằng chỉ thị phân tử (MABC)	Viện Di truyền Nông nghiệp	2023-2027
25	Nghiên cứu chọn tạo và phát triển bí đao lai (Benincasa hispida (Thumb.) cogn.) năng suất cao, chất lượng tốt cho các tỉnh phía nam	Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam	2022-2026

TT	Tên nhiệm vụ khoa học công nghệ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
26	Nghiên cứu chọn tạo giống lúa nếp năng suất, chất lượng cao cho vùng đồng bằng sông Cửu Long	Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long	2023-2027
27	Nghiên cứu chọn tạo giống lúa chất lượng cao vùng đồng bằng sông Cửu Long	Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long	2022-2026
28	Nghiên cứu chọn tạo giống chè mới và giải pháp kỹ thuật canh tác phù hợp cho sản xuất hàng hóa tại một số vùng trồng chính	Viện KHKT NLN miền núi phía Bắc	2022-2026
30	Nghiên cứu phục tráng và phát triển các giống khoai môn Bảo Yên, khoai sọ Tủa Chùa và khoai sọ Hua Păng Mộc Châu tại vùng núi phía Bắc	Viện KHKT NLN miền núi phía Bắc	2023-2026
31	Nghiên cứu các giải pháp tổng hợp để phát triển một số cây ăn quả bản địa mận táo, hồng không hạt Chí Cà tại Hà Giang.	Viện KHKT NLN miền núi phía Bắc	2023-2026
32	Nghiên cứu chọn tạo và phát triển giống bí đỏ lai (Cucurbita moschata Duch.) năng suất cao, chất lượng tốt cho các tỉnh phía Nam	Viện KHKT Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ	2022-2026
33	Nghiên cứu chọn tạo giống lạc có hàm lượng dầu cao làm nguyên liệu chế biến dầu ăn cho vùng Nam Trung bộ và Tây Nguyên	Viện KHKT Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ	2022-2026
36	Nghiên cứu chọn tạo giống ngô thực phẩm lai (ngô nếp, ngô đường) cho các tỉnh phía Bắc	Viện Nghiên cứu Ngô	2023-2026
37	Nghiên cứu phục tráng, đặc cách giống cây ăn quả tại một số vùng trồng chính	Viện Nghiên cứu Rau quả	2022-2026
38	Nghiên cứu chọn tạo giống sen làm cảnh và sen lấy hạt phù hợp với các điều kiện trồng trọt khác nhau	Viện Nghiên cứu Rau quả	2022-2026
39	Nghiên cứu chọn tạo giống cà phê vối có năng suất, chất lượng cao có khả năng thích ứng với điều kiện khô hạn tại Tây Nguyên	Viện KHKT Nông nghiệp Tây Nguyên	2023-2027
40	Nghiên cứu chọn tạo giống hồ tiêu năng suất cao, chất lượng tốt cho vùng Tây Nguyên	Viện KHKT Nông nghiệp Tây Nguyên	2022-2026
43	Nghiên cứu chọn tạo giống nhãn mới và giải pháp kỹ thuật canh tác phù hợp cho sản xuất nhãn hàng hóa tại một số vùng trồng chính phục vụ nội tiêu và xuất khẩu	Viện Cây ăn quả miền Nam	2022-2026
44	Nghiên cứu thiết kế, chế tạo một số máy và thiết bị cơ giới hóa cây dứa.	Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch	2023-2026
45	Nghiên cứu quy trình công nghệ và thiết kế hệ thống thiết bị sản xuất một số sản phẩm từ giống chè Trung du (Camellia sinensis var. Macrophylla).	Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch	2024 -2026

TT	Tên nhiệm vụ khoa học công nghệ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
46	Nghiên cứu công nghệ bảo quản và chế biến một số sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe từ sâm Lai Châu (<i>Panax vietnamensis</i> var. <i>fuscidicus</i> K.Komatsu, S.Zu 5& S.Q.Cai).	Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch	2024-2027
47	Nghiên cứu công nghệ và thiết bị chế biến vỏ quả sầu riêng làm thành nền nhiên liệu công suất 22,5 tấn nguyên liệu/giờ.	Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch	2025 - 2027
48	Nghiên cứu chế tạo một số chất béo thay thế bằng phương pháp enzym và oleogel để sử dụng trong công nghiệp chế biến thực phẩm (CTCNSH – BCT).	Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch	2025-2027
49	Nghiên cứu công nghệ xử lý phụ phẩm dừa phục vụ phát triển nông nghiệp tuần hoàn.	Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch	2026-2028
50	Nghiên cứu công nghệ tạo chế phẩm bảo quản quả sầu riêng sau thu hoạch bằng hợp chất tự nhiên.	Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch	2026-2028
51	Nghiên cứu công nghệ và thiết bị xử lý vỏ dừa phục vụ phát triển nông nghiệp tuần hoàn.	Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch	2026-2028
52	Nghiên cứu, phát triển công thu gom, xử lý các loại phụ phẩm cây chanh leo để sản xuất phân bón hữu cơ và sản phẩm giá trị gia tăng (mứt vỏ chanh leo, vỏ chanh leo sấy giòn...).	Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch	2026 - 2029
53	Nghiên cứu công nghệ sử dụng phụ phẩm cây mía làm than sinh học, phân hữu cơ vi sinh và các sản phẩm giá trị gia tăng theo chuỗi giá trị phục vụ sản xuất nông nghiệp, giảm phát thải khí nhà kính	Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch	2026 - 2029
IV	DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM (MỞ MỚI)		
4	Phát triển sản xuất giống lúa thuần khu vực miền Trung, Tây Nguyên	Viện KHKT Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ	2023-2026

**PHỤ LỤC 5: DANH SÁCH CÁN BỘ KHOA HỌC
CÓ THỂ TIẾP NHẬN NGHIÊN CỨU SINH
(BAO GỒM CẢ HƯỚNG DẪN CHÍNH VÀ HƯỚNG DẪN PHỤ)**

TT	Họ và tên cán bộ khoa học	Chức danh	Học vị	Chuyên ngành được đào tạo	Lĩnh vực chuyên môn
1	Nguyễn Hồng Sơn	Giáo sư	Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Côn trùng, Quản lý cây trồng tổng hợp
2	Trịnh Xuân Hoạt	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Công nghệ sinh học trong phòng chống bệnh hại, Chẩn đoán bệnh
3	Phạm Hồng Hiến	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Côn trùng, Bệnh hại cây trồng
4	Đào Thị Hằng		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Côn trùng, Bệnh hại cây trồng
5	Hà Minh Thanh		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Côn trùng, Bệnh hại cây trồng
6	Đào Bách Khoa		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Côn trùng, Bệnh hại cây trồng
7	Lê Mai Nhất		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng
8	Nguyễn Văn Liêm		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Côn trùng, Quản lý côn trùng hại cây trồng
9	Nguyễn Văn Dũng		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng, Quản lý dịch hại
10	Phan Công Kiên		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng, Quản lý dịch hại
11	Mai Văn Hào		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng, Quản lý dịch hại
12	Nguyễn Thị Kim Thoa		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Côn trùng
13	Trần Thị Mỹ Hạnh		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng
14	Nguyễn Thị Bích Ngọc		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng, Miễn dịch
15	Đặng Thị Phương Lan		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh cây và Bảo vệ thực vật
16	Lại Tiến Dũng		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh cây và Bảo vệ thực vật
17	Bùi Văn Dũng		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Chẩn đoán giám định Dịch hại và Thiên địch
18	Lê Xuân Vị		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Côn trùng, Bệnh hại cây trồng
19	Nguyễn Thị Thanh Hiền		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng
20	Nguyễn Văn Chung		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng, Miễn dịch
21	Cao Văn Chí		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng
22	Nguyễn Thế Hình		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bệnh hại cây trồng, Quản lý cây trồng tổng hợp

TT	Họ và tên cán bộ khoa học	Chức danh	Học vị	Chuyên ngành được đào tạo	Lĩnh vực chuyên môn
23	Phạm Xuân Hội	Giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ CNSH trong bảo vệ thực vật, chọn giống
24	Khuất Hữu Trung	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Chọn giống phân tử, Công nghệ
25	Lê Hùng Lĩnh	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Chọn giống phân tử, Công nghệ gen
26	Nguyễn Duy Phương	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Hóa sinh học, Công nghệ enzym protein
27	Trần Ngọc Thạch		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ gen, chọn giống phân tử
28	Vũ Đăng Toàn		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Sinh học phân tử
29	Phạm Bích Hiên		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ vi sinh, enzym
30	Lương Hữu Thành		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học, môi trường
31	Phạm Thị Lý Thu		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Sinh lý thực vật, Công nghệ tế bào
32	Nguyễn Thị Minh Nguyệt		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ gen, sinh học phân tử
33	Cao Lệ Quyên		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ gen, sinh học phân tử
34	Nguyễn Hải Anh		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Sinh học phân tử
35	Khổng Ngân Giang		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ nano, sinh lý và hóa sinh thực vật
36	Nguyễn Hữu Kiên		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ gen, sinh học phân tử
37	Nguyễn Văn Đức		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ gen, tế bào
38	Lê Thị Thanh Thủy		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học/Đất, phân bón
39	Nguyễn Thị Ngọc Trúc		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Vi sinh vật
40	Nguyễn Quốc Hùng	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	Cây ăn quả, Cây công nghiệp
41	Lã Tuấn Nghĩa	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	CNSH trong chọn giống cây trồng, CN gen
42	Lưu Minh Cúc	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	CNSH trong chọn giống cây trồng
43	Tạ Hồng Lĩnh		Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	Cây lúa
44	Khuất Thị Mai Lương		Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	Cây lương thực, Cây lúa
45	Ngô Thị Hạnh		Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	Cây rau màu

TT	Họ và tên cán bộ khoa học	Chức danh	Học vị	Chuyên ngành được đào tạo	Lĩnh vực chuyên môn
46	Nguyễn Thúy Kiều Tiên		Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	Cây lúa
47	Nguyễn Thị Hồng Lam		Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	Cây nông lâm nghiệp và cây chè
48	Hoàng Thị Nga		Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	Hoa, Cây lương thực, thực phẩm
49	Đặng Ngọc Hạ		Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	Cây ngô, Cây lấy hạt trên cạn
50	Vương Huy Minh		Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	Cây ngô
51	Dương Kim Thoa		Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	Cây rau màu
52	Dương Xuân Tú		Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	Cây rau màu
53	Võ Thị Minh Tuyền		Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	Cây lương thực
54	Trần Thị Oanh Yên		Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	Cây ăn quả
55	Lê Hùng Phong		Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	Cây lương thực, Lúa lai
56	Đông Thị Kim Cúc		Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	Cây lương thực và Cây thực phẩm
57	Hoàng Thị Huệ		Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	Công nghệ sinh học trong bảo tồn và đánh giá nguồn gen
58	Hoàng Thị Lan Hương		Tiến sĩ	Di truyền và CGCT	Bảo tồn Insitu và khai thác nguồn gen cây trồng
59	Đặng Văn Đông	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Cây hoa
60	Phạm Văn Dân	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Cây lương thực và Cây thực phẩm
61	Lê Đức Thảo	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Cây hoa, Cây lương thực, Cây thực phẩm
62	Hồ Huy Cường		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Cây lương thực và Cây thực phẩm
63	Trương Vĩnh Hải		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Cây lương thực và Cây thực phẩm
64	Đào Minh Sô		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Cây lương thực và Cây thực phẩm
65	Vũ Việt Hưng		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Cây Công nghiệp, Cây ăn quả
66	Nguyễn Xuân Thắng		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Cây ngô
67	Cao Anh Dương		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Cây mía đường
68	Bùi Quang Đăng		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Cây ăn quả
69	Nguyễn Ngọc Quát		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Lạc, đậu đỗ
70	Lưu Ngọc Quyển		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Hệ thống nông

TT	Họ và tên cán bộ khoa học	Chức danh	Học vị	Chuyên ngành được đào tạo	Lĩnh vực chuyên môn
					nghiệp, Cây chè, cây Công nghiệp
71	Phạm Hùng Cường		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Đa dạng sinh học, bảo tồn nguồn gen
72	Trần Công Khanh		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Cây có củ
73	Ngô Minh Dũng		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Khoa học cây trồng
74	Nguyễn Thế Nhuận		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Khoai tây, rau, hoa
75	Vũ Linh Chi		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Bảo tồn tài nguyên di truyền thực vật
76	Nguyễn Văn Dũng		Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Cây ăn quả
77	Trình Công Tư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng cây trồng
78	Mai Văn Trịnh	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Khoa học đất	Đất, môi trường đất, dinh dưỡng cây trồng
79	Trần Minh Tiến	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng cây trồng
80	Nguyễn Quang Hải		Tiến sĩ	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng cây trồng
81	Bùi Thị Phương Loan		Tiến sĩ	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng cây trồng
82	Hà Mạnh Thắng		Tiến sĩ	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng cây trồng
83	Đào Huy Đức		Tiến sĩ	Khoa học đất	Đất, dinh dưỡng cây trồng
84	Ngô Đức Minh		Tiến sĩ	Khoa học đất	Khoa học đất, Quản lý dinh dưỡng tổng hợp và canh tác bền vững, Nông nghiệp hữu cơ
85	Nguyễn Minh Hưng		Tiến sĩ	Khoa học đất	Đất, môi trường đất, dinh dưỡng cây trồng
86	Nguyễn Thu Hà		Tiến sĩ	Khoa học đất	Công nghệ sinh học/Đất, phân bón
87	PGS.TS. Phạm Anh Tuấn	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ thực phẩm
88	PGS.TS. Hoàng Thị Lệ Hằng	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ sinh học thực phẩm	Công nghệ sinh học thực phẩm
89	TS. Nguyễn Đức Tiến		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học
90	TS. Nguyễn Tất Thắng		Tiến sĩ	Bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật
91	TS. Bùi Kim Thúy		Tiến sĩ	Công nghệ sau thu hoạch	Công nghệ sau thu hoạch
92	TS. Lê Hà Hải		Tiến sĩ	Công nghệ sau thu hoạch	Công nghệ sau thu hoạch

TT	Họ và tên cán bộ khoa học	Chức danh	Học vị	Chuyên ngành được đào tạo	Lĩnh vực chuyên môn
93	TS. Nguyễn Thị Minh Nguyệt		Tiến sĩ	Công nghệ sau thu hoạch	Công nghệ sau thu hoạch
94	TS. Bùi Thị Hương		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học
95	TS. Lê Đức Thông		Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ thực phẩm
96	TS. Lê Minh Hùng		Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ thực phẩm
97	TS. Nguyễn Thị Hồng Hà		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học
98	TS. Nguyễn Văn Nguyễn		Tiến sĩ	Công nghệ sinh học	Công nghệ sinh học
99	TS. Phạm Văn Tấn		Tiến sĩ	Công nghệ sau thu hoạch	Công nghệ sau thu hoạch
100	TS. Trần Thị Mai		Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ thực phẩm
101	PGS.TS. Chu Văn Thiện	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Cơ khí nông nghiệp	Cơ khí nông nghiệp
102	PGS.TS. Trần Mạnh Hùng	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Cơ khí nông nghiệp	Cơ khí nông nghiệp
103	TSKH. Bạch Quốc Khang		Tiến sĩ khoa học	Cơ khí nông nghiệp	Cơ khí nông nghiệp
104	TS. Trần Hồng Thao		Tiến sĩ	Điện tự động hóa	Điện tự động hóa
105	TS. Nguyễn Năng Nhượng		Tiến sĩ	Cơ khí nông nghiệp	Cơ khí nông nghiệp
106	TS. Đậu Thế Nhu		Tiến sĩ	Cơ khí nông nghiệp	Cơ khí nông nghiệp
107	TS. Hoàng Nghĩa Đạt		Tiến sĩ	Kỹ thuật	Công nghệ và phương tiện cơ khí nông nghiệp
108	TS. Trần Thị Mai		Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm	Công nghệ thực phẩm
109	TS. Nguyễn Văn Đoàn		Tiến sĩ	Cơ khí nông nghiệp	Cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp
110	TS. Lê Xuân Hào		Tiến sĩ	Kỹ thuật	Kỹ thuật cơ khí hóa sản xuất nông nghiệp